TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DS-ST
Ngày 23 - 9 - 2022
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Doãn

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị Đ - Sinh năm 1962.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn****:* Bà Đinh Thị V - Sinh năm 1956.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1980 (con gái bà V)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, bản tự khai bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị Đ có quan điểm trình bày như sau:

Bà Đinh Thị V và bà Đinh Thị Đ là hai chị em ruột với nhau. Ngày 01/8/2015 Bà Đinh Thị V có đặt vấn đề vay tiền với bà Đ, bà Đ đồng ý cho bà V vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Đến ngày 30/10/2015 bà Đ gửi bà V thêm số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Tổng hai lần bà V nhận của bà Đ số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Lãi suất thỏa thuận miệng, thời gian

hẹn trả nợ khi nào bà Đ làm nhà thì bà V phải có trách nhiệm trả nợ. Nhưng khi bà Đ làm nhà đã hỏi nợ bà V nhiều lần nhưng bà V khất lần không chịu trả, mặt khác là chỗ tình cảm chị em ruột nên bà không hỏi tiền bà V nữa. Sau này trong gia đình có xảy ra tranh chấp đất của bố mẹ để lại nên chị em trong gia đình xảy ra mâu thuẫn mất đoàn kết, từ đó bà V và bà Đ không ai hỏi nhau.

Tại phiên tòa bà V khai đã trả cho bà 100.000.000đồng là không có việc trả tiền, bà không thừa nhận việc nhận tiền này, việc trả tiền cho bà là vào năm 2013, bà V có trả cho bà 42.000.000 đồng là tiền đóng Tổ. còn số tiền bà gửi bà V là vào năm 2015, nên không liên quan gì đến tiền bà gửi, nguồn tiền bà gửi cho bà V là thời điểm ấy gia đình có bán đất nên bà V hỏi bà thì bà đưa. Nay bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Bà Đinh Thị V phải hoàn trả toàn bộ số tiền gốc là 150.000.000đ và có đơn rút yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2022, Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bà Đinh Thị V có quan điểm trình bày như sau:

Bà Đinh Thị V thừa nhận có nhận tiền của bà Đ, số tiền nhận là 80.000.000 đồng tiền mặt và 20.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 100.000.000 đồng, số tiền bà Đ gửi bà V là tiền vào "Tổ" mà bà V là người đứng cái thu tiền. nhưng khi bà Đ làm nhà bà đã cùng con gái trả tiền cho bà Đ ngay tại bếp, thời điểm trả bà không nhớ cụ thể ngày, tháng, năm giao tiền. Bà chỉ nhớ giao tiền cho bà Đ vào thời điểm bà Đ làm nhà. Khi giao nhận tiền hai bên không có viết giấy tờ gì, thậm chí bà còn cho bà Đ vay thêm 30.000.000 đồng nhưng bà chỉ ghi vào sổ theo dõi còn không có chữ ký của bà Đ. Về nội dung tờ giấy ghi số tiền bà Đ gửi vào ngày 01/8/2015 thì bà V không nhớ viết vào thời gian nào, nhưng bà V có nhớ viết cho bà Đ vào một tờ giấy có đặc điểm là tờ giấy kẻ krô vuông, kích thước rộng khoảng 10cm và dài khoảng 15 cm, số tiền nhận là 100.000.000 đồng. Phần nội dung ghi ngày 30/10/2015 có ghi nội dung, tổng hai khoản là 150.000.000 đồng. Nội dung viết vào ngày 30/10/2015 là do bà Đ tự viết để vu khống cho bà nên bà V không thừa nhận chữ viết, chữ ký về nội dung này trong cùng một tờ giấy có kích thước đặc điểm trên. Lý do bà viết giấy cho bà Đ là tiền bà Đ đóng tiền "Tổ" gửi để ăn lãi, bà là người đứng cái thu tiền của mọi người từ năm 2012 đến năm 2013 thì tổng kết tổ hội. Chính bà là người có trách nhiệm trả tiền cho những người chơi Tổ, ai được rút tiền Tổ thì tự viết giấy cho bà trong cuốn sổ. Trong thời gian tham gia chơi Tổ, bà Đ gửi tiền cho bà không phải một lúc mà gửi nhiều lần, lúc thì gửi một triệu, hai triệu, mười triệu để đóng Tổ, tiền đóng Tổ thừa thì bà và bà Đ tính toán sau. Do điều kiện thời gian đã lâu nên cuốn sổ ghi tên của những người tham gia ăn Tổ bị rách nát, gạch xóa, trong cuốn sổ này có thể hiện biên bản của những người tham gia và giấy viết nhận tiền Tổ của những người đã lấy. Lý do bà cung cấp cho Tòa án cuốn sổ này là để chứng minh bà Đ có tham gia chơi Tổ từ năm 2012 đến 2013 và thực tế thì bà Đ đã lấy tiền Tổ là 42.000.000 đồng tương ứng với 01 cây vàng. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu trả lại tiền thì bà V không đồng ý. Vì bà có vay thì có trả còn không vay thì không trả, nên bà V không chấp nhận việc khởi kiện của bà Đ và bà khẳng định đã đưa lại số tiền 100.000.000 đồng cho bà Đ, có con gái bà là Nguyễn Thị L chứng kiến.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2022 và tại phiên tòa, người làm chứng chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và Bà Đinh Thị V là hai mẹ con, còn bà Đinh Thị Đ thì chị L gọi bằng Dì (em ruột mẹ). Vào ngày, tháng, năm chị không nhớ nhưng vào thời điểm bà Đ đang làm nhà thì bà V có gọi điện thoại để chị cầm số tiền 100.000.000 đồng đưa cho bà Đ, khi chị cầm tiền đến nhà bà V thì có bà Đ đang ở đây, chị có đưa tiền cho bà Đ, số tiền là 100.000.0000 đồng, loại tiền mệnh giá 100.000đ có bà V làm chứng. Khi giao tiền hai bên không viết giấy tờ gì cả, giao tại bếp nhà bà V và cũng không có ai chứng kiến, thời điểm giao tiền là khoảng 09 giờ tối, chị có đi cùng chồng nhưng chồng chị không vào nhà bà V. Nội dung giao tiền chị L chỉ biết loáng thoáng đó là tiền vào Tổ để lấy lãi và tiền giao cho bà Đ là tiền ăn Tổ, lý do chị L cầm tiền là vì vào thời điểm bà Đ lấy Tổ, bà Đ đang làm ăn tại Hà Nội nên không về được, bà V có lấy hộ cho bà Đ nhưng vì để ở nhà sợ mất nên bà V có nhờ chị cầm giữ hộ mấy hôm, khi bà Đ về thì chị cùng bà V giao lại cho bà Đ ngay tại nhà bà V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà V giao nộp sổ sách, giấy tờ liên quan đến nội dung chơi Tổ, giấy giao nhận tiền cho bà Đ nhưng không được đương sự giao nộp trong thời hạn được ấn định. Tại phiên tòa bà V cung cấp cuốn sổ mà theo bà trong thời gian từ năm 2012 đến 2013 bà Đ có tham gia chơi Tổ và trình bày ý kiến giao nộp tài liệu này tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành đối chất giữa nguyên đơn với người làm chứng nhưng cả hai lần chị L đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành đối chất được.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và cho rằng: Trước khi thụ lý đơn khởi kiện của bà Đ, tài liệu hồ sơ thể hiện bà Đ có thẻ hội viên người cao tuổi, nhưng Căn cước công dân và sổ hộ khẩu đều thể hiện bà Đ sinh vào ngày 20/10/1962, đến ngày Tòa án thụ lý hồ sơ ngày 11/5/2022 là chưa đủ tuổi miễn án phí, vì theo Điều 2 Luật người cao tuổi thì phải đủ 60 tuổi trở lên, nên việc Tòa án cho bà Đ miễn tiền tạm ứng án phí là chưa đủ điều kiện. Nên Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại đơn khởi kiện và Đình chỉ vụ án theo Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về nội dung xác lập giấy gửi tiền vào ngày 01/8/2015 và ngày 30/10/2015,

việc khởi kiện là "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015.

[1.1]. Về điều kiện thụ lý: Bà Đinh Thị Đ có thẻ hội viên người cao tuổi do Trung ương hội cấp, bản sao căn cước công dân, bản sao sổ hộ khẩu và tài liệu, chứng cứ nộp cùng đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bà Đinh Thị Đ, sinh ngày 20/10/1962, tính đến ngày cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí là chưa đủ 60 tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi. Việc cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí là có thiếu sót trong quá trình xem xét thụ lý nhưng không thuộc trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện theo Điều 192 BLTTDS. Do bà Đ được Tòa án cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Thẩm phán ra Thông báo thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 195 BLTTDS. Thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án chuyển cho VKS cùng tài liệu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn: Tại chứng cứ gửi tiền cho bị đơn, thể hiện ngày 01/8/2015 bà Đ gửi bà V số tiền 100.000.000 đồng và hẹn khi nào làm nhà bà V phải trả đầy đủ. Nội dung gửi tiền giữa bà Đ và bà V là thực tế nên yêu cầu khởi kiện của bà Đ là đòi lại tài sản, vì chứng cứ gửi tiền vào ngày 01/8/2015 được bà V khai, khi đưa tiền bà có viết cho bà Đ vào một tờ giấy có đặc điểm là tờ giấy ka rô vuông, rộng khoảng 10 cm và dài khoảng 15cm, tờ giấy này là đóng trong cuốn sổ nhỏ của bà Đ giữ. Qua mô tả chứng cứ của bà V thì phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp (BL07). Quá trình giải quyết vụ án bà V cũng thừa nhận có việc bà Đ gửi tiền 80.000.000đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 100.000.000đồng, nhưng đó là tiền bà Đ tham gia chơi "Tổ" và có nhiều thành viên cùng tham gia. Các nội dung này cho đến nay bà V không cung cấp được danh sách những người góp tiền Tổ để lấy tiền lãi từ năm 2013 đến năm 2016, mà chỉ cung cấp cuốn sổ đã cũ, bị cắt, bị rách, bên trong có ghi các thành viên tham gia từ năm 2012 và đã kết thúc ăn Tổ vào năm 2013. Lời khai của bà V và lời khai của chị L cũng không chứng minh được số tiền 100.000.000 đồng đã trả lại cho bà Đ cụ thể vào thời điểm nào, mà chỉ nhớ trả vào khoảng 09 giờ tối tại bếp nhà bà V, khi giao lại tiền không có giấy biên nhận tiền để chứng minh đã trả, trong khi nội dung gửi tiền được bà V thừa nhận là viết vào một tờ giấy kẻ krô có đặc điểm mô tả trên làm bằng chứng thể hiện bà V nhận của bà Đ 100.000.000 đồng vào ngày 01/8/2015, nên lời khai của bà V không có căn cứ chứng minh đã trả lại cho bà Đ số tiền gửi vào ngày 01/8/2015.

[2.1]. Nội dung nhận tiền vào ngày 30/10/2015, số tiền nhận thể hiện là 150.000.000 đồng, phần dưới nội dung này trong cùng một tờ giấy ka rô có đặc điểm trên là chứng cứ do bà Đ cung cấp, tuy bà V không thừa nhận có chữ viết, chữ ký có nội dung " Cộng hai khoản là 150.000.000đồng". Chứng cứ này được kết luận giám định số: 2756/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh

Thanh Hóa kết luận: Chữ viết tại phần nội dung 1 và chữ viết phần nội dung 2 ở mẫu cần giám định kí hiệu A là do một người viết ra; Chữ ký, chữ viết tên "Đinh Thị Việt" dưới mục "Người nhận tiền" tại nội dung 1 so với với chữ ký, chữ viết " Đinh Thị Việt" dưới mục " Nhận tiền" tại nội dung 2 ở mẫu cần giám định ký hiệu A là do một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ khẳng định, ngoài số tiền bà V nhận vào ngày 01/8/2015 thì bà V còn nhận của bà Đ thêm số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/10/2015. Tuy nhiên bà V cho rằng không nhận số tiền nào ngoài số tiền vào ngày 01/8/2015 là không có cơ sở. Nay bà Đ khởi kiện để yêu cầu Bà Đinh Thị V trả lại số tiền 150.000.000 đồng vào các ngày 01/8/2015 và ngày 30/10/2015 là có cơ sở chấp nhận. Buộc Bà Đinh Thị V có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đ số tiền trên.

[2.2]. Về nội dung lời khai của người làm chứng: Trong vụ án này bà Đinh Thị Đ và Bà Đinh Thị V là hai chị em ruột, chị Nguyễn Thị L là con gái bà V. Quá trình làm việc chị L có lời khai và thừa nhận có nội dung chị cầm tiền lên nhà bà V và cùng bà V giao lại số tiền 100.000.000 đồng cho bà Đ. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của bà V. Tuy nhiên không có căn cứ để khẳng định bà Đ đã nhận số tiền 100.000.000 đồng, cũng không có giấy tờ giao lại tiền cho bà Đ để làm bằng chứng, ngoài lời khai thì chị L và bà V không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Vì vậy, lời khai của chị L không được coi là chứng cứ có tính khách quan. Nên vẫn phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với bà V.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi suất: Trong đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu tính lãi suất với số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Đ có đơn rút yêu cầu tính lãi. Nhận thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Đ đối với bà V.

[4]. Về nội dung tiền Tổ (tiền phường, họ, hội): Qua xem xét tài liệu chứng cứ do bà V cung cấp tại phiên tòa thì trong cuốn sổ tại trang đầu có ghi danh sách những người tham gia ăn tiền Tổ từ năm 2012, phần cuối sổ có các tờ giấy của những người lấy tiền Tổ mà theo bà V là người lấy tiền tự viết đã nhận tiền Tổ vào cuối năm 2013 (kết thúc ăn Tổ). Trong số những người đã viết giấy nhận tiền thì không có tên bà Đ, từ năm 2014 đến ngày 30/10/2015, ngày bà Đ gửi tiền cho bà V thì không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà Đ tham gia đóng tiền Tổ. Vì vậy tài liệu được giao nộp này không liên quan đến nội dung bà Đ khởi kiện.

[7].Về án phí dân sự: Nhận thấy, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn thuộc đối tượng xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 281, khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Đ.

2. Buộc Bà Đinh Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Đ số tiền 150.000.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng)*

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Đinh Thị Đ đối với bà Định Thị Việt.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bên phải thi hành án mà không tự nguyện thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ, thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án để thi hành, ngoài số tiền phải thi hành còn phải chịu mức lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện H;
- Các Đương sự;
- Chi cục THA DS Huyện H;
- Lưu HS VA**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi